

Số: 2124/2024/QĐST-VHNGĐ

Bình Thạnh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1752/2024/TLST-VHNGĐ ngày 11/9/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu:

1/ Ông **Đặng Quang V**; sinh năm: 1990; HKTT: **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**

2/ Bà **Ngô Hoàng Ngọc T**; sinh năm: 1992; HKTT: 259A/20 **Áp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Cùng nơi cư trú: **Số I, Lô A, số B B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các biên bản tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đặng Quang V** và bà **Ngô Hoàng Ngọc T** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đặng Quang V** và bà **Ngô Hoàng Ngọc T** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2024, đăng ký ngày 08/03/2024 tại **UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp cho Ông **Đặng Quang V** và bà **Ngô Hoàng Ngọc T** hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông **V** và bà **T** đóng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà đương sự đã nộp theo biên lai thu số 0029071 ngày 11/9/2024 của Thi hành án dân sự **quận B**. Ông **V** và bà **T** đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- UBND huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Khả